

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

QUY TRÌNH
THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT
ĐỀ ÁN SẮP XẾP ĐỔI MỚI CÔNG TY
NÔNG, LÂM NGHIỆP

Mã hiệu: QT.KHTC.12

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 24/11/2021

Quảng Bình, năm 2021

CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VÀ XEM XÉT:

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét
Họ tên	Phan Xuân Hòa	Phạm Hoài Nam
Chữ ký		
Chức vụ	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Tài chính	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính

KIỂM TRA VÀ PHÊ DUYỆT: LÃNH ĐẠO SỞ

Trách nhiệm	Kiểm tra và Phê duyệt
Họ tên	Trần Đình Hiệp
Chữ ký	
Chức vụ	Phó Giám đốc Sở

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

[illegible]

1. Mục đích.

Quy trình này quy định trình tự, cách thức thực hiện và trách nhiệm thực hiện công tác Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp tại Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình, nhằm đảm bảo việc Phê duyệt Đề án sắp

xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Phạm vi áp dụng.

- Các tổ chức có liên quan đến việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình là đầu mối quản lý phê duyệt/tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy trình này.

3. Tài liệu viện dẫn.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

- Điều 23 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

- Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ;

- Quyết định số 311/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Định nghĩa, viết tắt.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính: Phòng KH-TC

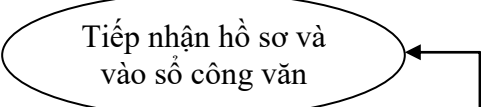
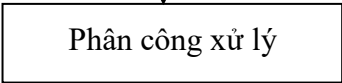
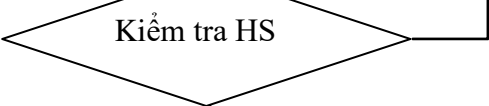
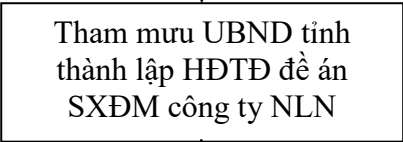
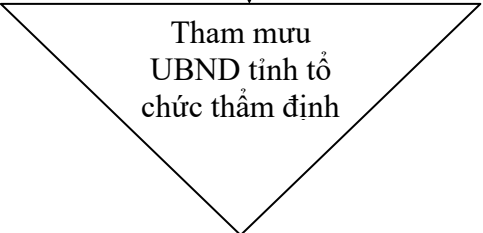
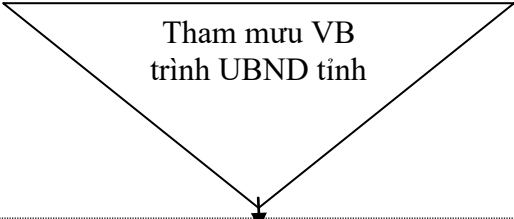
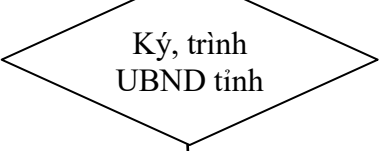
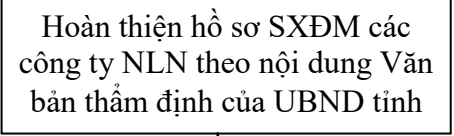
- Ủy ban nhân dân: UBND

- Trung tâm Hành chính công: Trung tâm HCC

- Nông nghiệp và phát triển nông thôn: NN&PTNT

5. Nội dung quy trình.

5.1. Lưu đồ:

Trách nhiệm	Trình tự công việc	Mô tả/Biểu mẫu
Văn thư		Mục III,1
Lãnh đạo Sở, Trưởng phòng KH-TC		Mục III,2
Lãnh đạo phòng KH-TC phụ trách		Mẫu QT.KHTC.12.01; Mẫu QT.KHTC.12.02 (Mục III,3)
Lãnh đạo phòng KH-TC phụ trách và các đơn vị liên quan		Mục III,4
Lãnh đạo Phòng KH-TC phụ trách và các thành viên HĐĐT liên quan		Mục III,5
Lãnh đạo phòng KH-TC phụ trách		Mục III,5
Lãnh đạo Sở NN&PTNT		Mục III,5
Lãnh đạo phòng KH-TC phụ trách, công ty NLN		Mục III,6

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Mã hiệu: QT.SNN.12 . Lần ban hành: 01. Ngày ban hành: 24/11/2021
-------------------------------	---

Cán bộ phòng KH-TC phụ trách	Tham mưu Văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt đề án SXĐM công ty NLN	Mục III,7
Lãnh đạo Sở NN&PTNT	Ký, trình UBND tỉnh	Mục III,7
Cán bộ phòng KH-TC phụ trách/Văn thư	Nhận kết quả từ UBND tỉnh/lưu hồ sơ	Mục III,7

5.2. Quy định thời gian giải quyết.

- Thẩm định Đề án: Mười bốn (14) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định Đề án hợp lệ;
- Thẩm định Phương án: không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ Phương án đầy đủ, đúng quy định;
- Hoàn thiện Hồ sơ trình Phê duyệt Phương án: trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Phê duyệt Đề án: trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt Phương án của Thủ tướng Chính phủ.

5.3 Mô tả:

5.3.1. Tiếp nhận hồ sơ

Công ty nông lâm nghiệp thuộc UBND cấp tỉnh gửi hồ sơ thẩm định Đề án về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5.3.2. Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ (1 ngày):

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, nếu chưa đạt có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

5.3.3. Thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

UBND cấp tỉnh Thành lập hội đồng thẩm định gồm Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, các Sở, ngành là thành viên: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Lao động thương binh và xã hội, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ.

5.3.4. Tổ chức thẩm định và trả kết quả hồ sơ. (13 ngày)

Trong thời hạn không quá 13 (mười ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định Đề án hợp lệ của công ty nông lâm nghiệp trực thuộc, cơ quan được giao thẩm định phải tổ chức thẩm định, lập hồ sơ trình UBND tỉnh, có văn bản thẩm định gửi ty nông, lâm nghiệp.

5.3.5. Hoàn thiện hồ sơ sau thẩm định

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định, công ty nông, lâm nghiệp có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ trình theo nội dung văn bản thẩm định của UBND tỉnh và gửi lại hồ sơ trình theo quy định tại khoản 2, 3 và điểm a, b, c khoản 4 điều 5 Thông tư số 02/2015/TT- BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn.

5.3.6. Lập phương án sắp xếp, đổi mới Công ty Nông lâm nghiệp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan; tập đoàn, tổng công ty và Bộ, ngành chủ quản tổ chức việc tổng hợp kết quả thẩm định, nội dung Đề án của các công ty nông, lâm nghiệp để lập Phương án theo quy định tại Thông tư này gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Riêng tập đoàn, tổng công ty thuộc Bộ, ngành Trung ương trước khi gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ, ngành chủ quản.

5.3.7. Thẩm định Phương án

a) Thành lập Hội đồng thẩm định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định, thành viên hội đồng thẩm định gồm đại diện các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Tài Nguyên và Môi trường, Tài Chính, Lao động, thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ và các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì.

b) Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ Phương án đầy đủ, đúng quy định, Vụ Quản lý doanh nghiệp trình Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định, lập biên bản trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản thẩm định gửi cơ quan đề nghị thẩm định để hoàn thiện hồ sơ.

5.3.8. Hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tập đoàn, tổng công ty, Bộ, ngành chủ quản có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo đúng nội dung văn bản thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Mã hiệu: QT.SNN.12 . Lần ban hành: 01. Ngày ban hành: 24/11/2021
-----------------------------------	---

5.3.9. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp công ty nông, lâm nghiệp.

Trong thời hạn không quá ba (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt Phương án tổng thể của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh phê duyệt Đề án của các công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc và tổ chức thực hiện.

6. Hồ sơ

TT	Hồ sơ gồm	Đơn vị quản lý
1	Hồ sơ thẩm định Đề án.	
	Tờ trình thẩm định của công ty gửi cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
	Đề án sắp xếp, đổi mới của công ty nông, lâm nghiệp (theo mẫu)	
2	Hồ sơ trình phê duyệt phương án.	
	Tờ trình Thủ tướng chính phủ về Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp của UBND tỉnh	
	Phương án sắp xếp	
	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định	
	Văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp & PTNT	

Phụ lục:

TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Mẫu đề cương đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp ban hành. (Mẫu Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2015 TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn)	BM.KHTC.12.01
2	Đề cương phương án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp ban hành. (Mẫu Phụ lục II kèm theo Thông tư số 02/2015 TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn)	BM.KHTC.12.02

ĐỀ CƯƠNG

ĐỀ ÁN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

UBND TỈNH/
TẬP ĐOÀN/
TỔNG CÔNG TY.....
CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 2015

ĐỀ ÁN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

MỞ ĐẦU

Đặt vấn đề.

Căn cứ để xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới công ty:

- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp”;
- Thông tư số [02/2015/TT-BNNPTNT](#) ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ;
- Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng của công ty nông, lâm nghiệp đang được giao quản lý và sử dụng; kết quả điều tra, kiểm kê rừng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch 3 loại rừng; quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi công ty nông, lâm nghiệp đứng chân;
- Hiệu quả sản xuất, kinh doanh 3 năm liên tiếp của công ty nông, lâm nghiệp đến năm thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định trên của Chính phủ;
- Phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh, sử dụng lao động của công ty nông, lâm nghiệp trong các năm tới.

Phần I

HIỆN TRẠNG CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Tên công ty....; địa chỉ....; điện thoại....; địa chỉ thư điện tử....; vị trí địa lý (Đông, Tây, Nam, Bắc... giáp ...), thuộc các xã..., huyện....tỉnh..../tập đoàn/tổng công ty....

- Quá trình hình thành, phát triển công ty đến nay.
- Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty hiện nay.

II. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Hiện trạng về quản lý, sử dụng đất

Đưa ra số liệu cụ thể và phân tích về các tình hình sau:

- a) Việc đo đạc, cắm mốc, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty;
- b) Việc quản lý và sử dụng đất của công ty, cụ thể:
 - Diện tích đất được giao, hệ số và hiệu quả sử dụng, ưu, nhược điểm;
 - Diện tích đất được thuê, hệ số và hiệu quả sử dụng, ưu, nhược điểm;
 - Diện tích đất đã cho thuê, cho mượn; bị lấn chiếm có tranh chấp; đất liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư;
 - Diện tích đất tổ chức khoán, đối tượng nhận khoán, hình thức giao khoán (giai đoạn, chu kỳ...), quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên; ưu, nhược điểm;
 - Diện tích đất ở, đất kinh tế hộ gia đình;
 - Diện tích đất được giao nhưng không sử dụng (bao gồm không cần sử dụng hoặc không sử dụng được), lý do

Lập biểu số liệu theo mẫu biểu số 01/ĐĐ kèm theo.

2. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp

- a) Rừng sản xuất: thống kê, xác định diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên (có trữ lượng rừng giàu, trung bình, rừng nghèo, rừng chưa có trữ lượng; trong đó diện tích đã có phương án quản lý rừng bền vững và được cấp chứng chỉ về quản lý rừng bền vững); diện tích rừng trồng và đất chưa có rừng, tình hình quản lý bảo vệ và mức độ xâm hại rừng.
- b) Rừng phòng hộ (diện tích rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, rừng trồng; trạng thái và chất lượng rừng; đất chưa có rừng), tình hình quản lý bảo vệ và mức độ xâm hại rừng.
- c) Rừng đặc dụng (diện tích rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, rừng trồng; trạng thái và chất lượng rừng; đất chưa có rừng), tình hình quản lý bảo vệ và mức độ xâm hại rừng.

Lập biểu số liệu theo mẫu biểu số 01/ĐĐ kèm theo.

3. Hiện trạng tài sản là cây trồng, vật nuôi

Đưa ra số liệu cụ thể và phân tích:

- a) Cây ngắn ngày (diện tích, năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh trên địa bàn);
- b) Cây công nghiệp dài ngày (diện tích, năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh trên địa bàn);
- c) Vật nuôi (số lượng, năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh trên địa bàn);
- d) Mặt nước nuôi trồng thủy sản (diện tích, năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh trên địa bàn);
- đ) Rừng sản xuất là rừng trồng (diện tích, năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh trên địa bàn)

Lập biểu số liệu theo các mẫu biểu số 03, 04/TS kèm theo.

4. Hiện trạng các công trình kết cấu hạ tầng

Đưa ra số liệu cụ thể và phân tích về số lượng, chủng loại, biến động, chất lượng, giá trị và hiệu quả sử dụng các loại công trình kết cấu hạ tầng.

Lập biểu số liệu theo mẫu biểu số 05/TS kèm theo.

5. Hiện trạng về tài chính doanh nghiệp

Phân tích hoạt động kinh tế thông qua các chỉ tiêu về kết quả tài chính thể hiện tại các biểu 06/TC, 07/KD kèm theo, qua đó rút ra các nhận định, đánh giá về hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có về đất đai, vốn và đầu tư, lao động, v.v...

6. Hiện trạng về lao động

Đưa ra số liệu cụ thể và phân tích:

a) Số lượng, chất lượng CNV: Tổng số lao động có tên trong công ty:.....người, trong đó nữ:người,

Chia ra:

- Số lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn:.....người.
- Số lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng:.....người.
- Số lao động ký hợp đồng lao động mùa vụ, theo công việc dưới 12 tháng:người.
- Số lao động chưa thực hiện ký hợp đồng lao động:.....người.

b) Việc thực hiện chế độ tiền lương, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động của công ty; nhận xét, đánh giá;

c) Tình hình thực hiện khoán: hình thức, nội dung, quyền và nghĩa vụ các bên; số lượng lao động nhận khoán với công ty theo hợp đồng (trong đó chia ra số thực hiện theo Nghị định số [135/2006/NĐ-CP](#) và số thực hiện theo Nghị định số 01/CP chưa chuyển đổi theo Nghị định số [135/2006/NĐ-CP](#)); nhận xét, đánh giá;

d) Tình hình lao động hiện đang dôi dư hoặc thiếu, lý do.

Lập biểu số liệu theo mẫu biểu số 09/LĐ kèm theo.

7. Hiện trạng về khoa học và công nghệ

Đưa ra số liệu cụ thể và phân tích về kết quả nghiên cứu, sử dụng giống mới, quy trình khoa học công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh; hiệu quả của việc áp dụng khoa học, công nghệ mới; khả năng mở rộng và phát triển; thuận lợi, khó khăn.

Lập biểu số liệu theo mẫu biểu số 10/KHCN kèm theo.

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

1. Những kết quả đã đạt được:

a) Quản lý, sử dụng đất.

b) Quản lý, sử dụng rừng.

c) Hiệu quả sản xuất kinh doanh.

d) Lao động việc làm.

đ) Ứng dụng khoa học công nghệ.

e) Các vấn đề khác (an ninh quốc phòng, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, dân tộc định canh định cư...).

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Phần II

NỘI DUNG SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC SẮP XẾP, ĐỔI MỚI

1. Mục tiêu sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp.

2. Nguyên tắc sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp.

II. XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Trên cơ sở hiện trạng và kết quả phân tích, đánh giá và quy định tại Nghị định số 118 /2014/NĐ-CP, xác định chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh của công ty sau khi thực hiện sắp xếp đổi mới.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT

Trên cơ sở số liệu và hiện trạng về đất đai được Nhà nước đã giao cho công ty quản lý hiện có, công ty lập dự kiến phương án sử dụng đất theo quy định của cơ quan về Tài nguyên và Môi trường ở địa phương. Phương án phải thể hiện được các nội dung sau:

1. Diện tích đất nhận thuê để sản xuất kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh được xác định;
2. Diện tích đất nhận giao đất Nhà nước không thu tiền sử dụng đất (thuộc loại nào, diện tích bao nhiêu cho từng loại);
3. Diện tích không quản lý được, không sử dụng được hoặc không cần sử dụng đề nghị thu hồi, bàn giao theo quy định của pháp luật về đất đai.

Lập biểu số liệu theo mẫu biểu số 02/ĐĐ kèm theo.

IV. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VƯỜN CÂY, MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN, RỪNG CÁC LOẠI

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và phương án sử dụng đất được xác định, phương án sản xuất, kinh doanh của công ty, xác định cụ thể diện tích, phương pháp quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh đối với:

1. Vườn cây
 - a) Cây ngắn ngày;
 - b) Cây công nghiệp dài ngày.
2. Mặt nước nuôi trồng thủy sản.
3. Rừng sản xuất là rừng trồng.
4. Rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
 - a) Rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã có phương án quản lý rừng bền vững và được cấp chứng chỉ về quản lý rừng bền vững;
 - b) Rừng sản xuất là rừng tự nhiên chưa có phương án quản lý rừng bền vững và chưa được cấp chứng chỉ về quản lý rừng bền vững;
 - c) Rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt.
5. Rừng phòng hộ.
6. Rừng đặc dụng.

Đưa số liệu phù hợp với phương án sử dụng đất vào mẫu biểu số 02/ĐĐ kèm theo.

V. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG

1. Loại công trình cần giữ lại, giải thích về sự cần thiết;
2. Loại công trình không cần dùng, giải thích lý do và đề xuất chuyển giao về số lượng và giá trị.

Điền số liệu vào mẫu biểu số 05/TS kèm theo.

VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

Căn cứ quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11, Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) và các phương án quản lý, sử dụng đất đai, tài sản trên đất để xác định phương án sắp xếp, đổi mới công ty thuộc các loại hình sau:

1. Công ty nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:
 - Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
 - Công ty thực hiện nhiệm vụ công ích.
2. Công ty thực hiện cổ phần hoá nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.
3. Công ty thực hiện cổ phần hoá nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối.
4. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
5. Chuyển thành đơn vị sự nghiệp công lập.
6. Giải thể.
7. Đề xuất khác (nếu có).

Có thuyết minh về phương án sắp xếp, đổi mới được lựa chọn.

VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI

1. Xác định rõ ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, ngành nghề sản xuất kinh doanh bổ sung, ngành nghề kinh doanh phục vụ sản xuất kinh doanh chính. Xây dựng phương án sắp xếp lại các công ty theo hướng tập trung vào ngành nghề sản xuất kinh doanh chính gắn kết giữa phát triển vùng nguyên liệu với sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ, hình thành mô hình sản xuất kinh doanh tổng hợp nông, lâm, công nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa trên đơn vị diện tích sản xuất, nâng cao đời sống của người dân.

2. Giải pháp về đất đai

a) Lập phương án sử dụng đất báo cáo cơ quan Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án sử dụng đất trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Nội dung phương án sử dụng đất phải thể hiện vị trí, ranh giới sử dụng đất; diện tích đất đề nghị giữ lại sử dụng theo từng loại đất, hình thức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, diện tích đất bàn giao cho địa phương.

b) Đo đạc, cắm mốc, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

c) Thu hồi, bàn giao đất về địa phương

d) Xử lý đất công ty đã cho thuê, cho mượn; bị lấn chiếm có tranh chấp; đất liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư; đất ở, đất kinh tế hộ gia đình.

3. Giải pháp về quản lý, sử dụng rừng

- Rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng;
- Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng;
- Giải pháp về phát triển rừng trồng là rừng sản xuất (lựa chọn loài cây, giống, thâm canh...);
- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng.

4. Giải pháp về tài chính, đầu tư, tín dụng

- Vốn điều lệ;
- Xác định giá trị vườn cây, mặt nước, rừng trồng làm cơ sở thực hiện cổ phần hóa, liên doanh, liên kết, thế chấp vay vốn...
- Đầu tư và tín dụng đầu tư phát triển;
- Giao kế hoạch và đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích;
- Kinh phí đo đạc, cắm mốc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Xử lý tài chính đối với công trình kết cấu hạ tầng, tài sản trên đất khi bàn giao đất;
- Xử lý công nợ;
- Trích lập dự phòng rủi ro;
- ...

5. Giải pháp về lao động

- Giải quyết chế độ đối với lao động dôi dư;
- Thực hiện các chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ, công nhân và người lao động;
- Thực hiện cơ chế khoán;
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, tay nghề lao động;
- ...

6. Giải pháp về khoa học và công nghệ

Về nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ vào quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh của công ty.

7. Giải pháp về chế biến

8. Giải pháp về thị trường

- Rà soát, xây dựng, củng cố thương hiệu các loại sản phẩm của công ty.

- Tham gia hội chợ triển lãm giới thiệu tiềm năng, sản phẩm của công ty, kêu gọi hợp tác đầu tư.

- Đánh giá, phát triển thị trường tiêu sản phẩm nông, lâm nghiệp của công ty như (thị trường cà phê, chè, tiêu, điều, cao su..., thị trường tiêu thụ gỗ, lâm sản ngoài gỗ và sản phẩm sau chế biến lâm sản) trong và ngoài nước.

9. Giải pháp về tổ chức bộ máy

...

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Khái toán kinh phí thực hiện đề án

- Tổng kinh phí:.....tỷ đồng, trong đó:

+ Rà soát, đo đạc, cắm mốc, cấp GCNQSDĐ, Thuê đất:.....

+ Bổ sung vốn Điều lệ:.....

+ Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng:.....

+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích:.....

+ Xử lý các khoản công nợ:.....

+ Giải quyết lao động dôi dư:.....

2. Tổ chức thực hiện đề án

- Tiến độ thực hiện đề án.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận chuyên môn của công ty, nông, lâm nghiệp thực hiện đề án.

VII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG

1. Về kinh tế

2. Xã hội

3. Môi trường

Phần III

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Đề xuất, kiến nghị: Những đề xuất và kiến nghị của công ty nông, lâm nghiệp đối với địa phương, các Bộ, ngành và Chính phủ để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ.

KẾT LUẬN

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG
PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 02 /2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ, NGÀNH/UBND TỈNH/
TẬP ĐOÀN/
TỔNG CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng.....năm 2015

PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ
SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

MỞ ĐẦU

Đặt vấn đề.

Căn cứ để xây dựng Đề án sắp xếp, đổi mới công ty:

- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;
- Thông tư số [02/2015/TT-BNNPTNT](#) ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ;
- Văn bản chỉ đạo, chương trình kế hoạch của địa phương...;
- Đề án sắp xếp, đổi mới của các công ty nông, lâm nghiệp và Biên bản của Hội đồng thẩm định,

Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc TW); Tập đoàn, Tổng công ty, Bộ, ngành....báo cáo Phương án tổng thể về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc như sau:

Phần I

HIỆN TRẠNG CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH CƠ BẢN

Tổng hợp số liệu cơ bản từ các đề án của công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định và thiết lập các phụ biểu (kèm theo phương án tổng thể) số liệu riêng cho nhóm các công ty nông nghiệp, nhóm các công ty lâm nghiệp theo các mẫu biểu sau:

1. Căn cứ số liệu biểu số 01/ĐĐ, đề án của các công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, tổng hợp và lập biểu 01/TH-ĐĐ: TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG ĐẤT TRƯỚC KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP theo Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) sau:

TT	Loại đất	Mã	Tổng số (ha)	Chia ra		
				Công ty A	Công ty B	...

2. Căn cứ số liệu biểu số 01/ĐĐ, đề án của các công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, tổng hợp và lập biểu số 02/TH-SDD: TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP theo Nghị định số [118/2004/NĐ-CP](#) sau:

TT	Hiện trạng sử dụng đất	Tổng số (ha)	Chia ra		
			Công ty A	Công ty B	...
1	Diện tích tự tổ chức SX				
2	Diện tích khoán				
2.1	Khoán theo ND 135				
2.2	Khoán theo ND 01				
2.3	Khoán quản lý bảo vệ				
2.4	Khoán trắng				
3	Diện tích sử dụng khác				
3.1	Diện tích cho thuê				
3.2	Diện tích cho mượn				
3.3	Diện tích bị tranh chấp				
3.4	Diện tích bị lấn, chiếm				
3.5	Diện tích bị cấp trùng				
3.6	Diện tích liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư				
Tổng số					

3. Căn cứ số liệu biểu số 07/KD, đề án của các công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, tổng hợp và lập biểu số Biểu 03/TH-KD: TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP theo Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) sau:

Chỉ tiêu	Mã	Công ty A	Công ty B	...

Chỉ tiêu được tổng hợp từ biểu 07/KD theo đề án của các công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, số liệu là số bình quân 03 năm liền kề.

2. Phân tích, thuyết minh, đánh giá về hiện trạng và rút ra các kết luận.

II. PHÂN TÍCH, THUYẾT MINH, ĐÁNH GIÁ VỀ HIỆN TRẠNG

1. Kết quả đạt được.

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.

Phần II

PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

I. PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

Tổng hợp số liệu cơ bản từ các đề án của công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định và thiết lập các phụ biểu (kèm theo phương án tổng thể) số liệu riêng cho nhóm các công ty nông nghiệp, nhóm các công ty lâm nghiệp theo các mẫu biểu sau:

1. Phương án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 02/ĐĐ, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định; biểu số 01/TT-ĐĐ 02/TH-SDĐ 03/TH-TC trên, theo quy định tại Chương II, III của nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) để tổng hợp và lập biểu số 04/SXĐM: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP sau:

TT	Tên công ty	Phương án sắp xếp, đổi mới					
		Công ty cổ phần Nhà nước giữ cổ phần chi phối (%)	Công ty cổ phần Nhà nước không giữ cổ phần chi phối	Công ty Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ SXKD	Công ty Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ công ích	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Công ty giải thể

b) Thuyết minh, phân tích phương án

2. Phương án sử dụng đất

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 02/ĐĐ, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, tổng hợp phương án sử dụng đất sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp để lập biểu số 05/SĐĐ: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT sau:

TT	Loại đất	Mã	Phương án sử dụng đất sau khi thực hiện sắp xếp, đổi mới (ha)					
			Tổng số		Công ty A		Công ty B	
			Cho thuê	Giao không thu tiền SĐĐ	Cho thuê	Giao không thu tiền SĐĐ	Cho thuê	Giao không thu tiền SĐĐ

b) Thuyết minh, phân tích phương án

3. Phương án quản lý, sử dụng tài sản

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 03, 04, 05/TS, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, tổng hợp phương án quản lý, sử dụng tài sản sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp để lập biểu số 06/SDTS: PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN sau:

TT	Loại tài sản	Đ/vị tính	Số lượng tài sản tiếp tục quản lý, sử dụng			Số lượng tài sản không sử dụng	
			Công ty A	Công ty B	...	Công ty A	...

b) Thuyết minh, phân tích phương án

4. Phương án về quản lý, sử dụng rừng và nhiệm vụ công ích

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 02/ĐĐ, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, tổng hợp phương án về quản lý, sử dụng rừng và nhiệm vụ công ích sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Điều 18, Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) để lập biểu số 07/QLR: PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG RỪNG VÀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH sau:

TT	Phương án quản lý, sử dụng theo loại rừng	Mã số	Tổng số (ha)	Chia ra		
				Công ty A	Công ty B	...
1	Thực hiện nhiệm vụ công ích					
	...					
2	Xây dựng phương án QLRBV					
	...					
3	Lập dự án cải tạo rừng					
	...					
4	Chuyển đổi rừng					
	...					

b) Thuyết minh, phân tích phương án

4. Phương án về tài chính và đầu tư

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 08/TCĐT, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, tổng hợp phương án về tài chính sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Điều 19, 20 Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) để lập biểu 08/TH-TCĐT: PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ sau:

TT	Mục	Đ/vị tính (1000đ)	Tổng số	Công ty A	Công ty B	...
1	Vốn điều lệ					
2	Kinh phí rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					
	...					
3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích					
	...					
4	Kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng					
	...					

5	Các khoản công nợ, nợ khó đòi, các khoản phải trả.					
	...					

b) Thuyết minh, phân tích phương án

5. Phương án về lao động

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 09/LĐ, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, tổng hợp phương án về lao động sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Điều 21, Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) để lập biểu số 09/TH-LĐ: PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG sau:

TT	Tên công ty	Tổng số LĐ tại thời điểm SXĐM (người)	Chia ra			
			Tiếp tục sử dụng	Đào tạo lại chuyển nghề	Giải quyết theo chế độ dôi dư	Nghỉ theo Luật Lao động
1	Công ty A					
2	Công ty B					
...	...					
	Tổng cộng					

b) Thuyết minh, phân tích phương án

6. Phương án về khoa học và công nghệ

Căn cứ số liệu tại biểu số 10/KHCN, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, tổng hợp phương án về phát triển về khoa học và công nghệ quy định tại Điều 21, Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) để lập biểu số 10/TH-KHCN: PHƯƠNG ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ sau:

TT	Tên đề tài, công trình	Phân kinh phí đề nghị NSNN hỗ trợ				Ghi chú
		Tổng số	Công ty A	Công ty B	...	
1	...					
2	...					
...	...					
	Tổng cộng					

b) Thuyết minh, phân tích phương án

(Tất cả các phụ biểu trên được lập theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Thông tư, cơ quan trình phương án tổng thể ký và đóng dấu)

Phần thứ III

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Nơi nhận:

-

**BỘ, NGÀNH/UBND TỈNH/TẬP
ĐOÀN/TỔNG CÔNG TY**

(Ký và đóng dấu)